ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ A DƠI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1315 /QĐ-UBND	*A Dơi, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đặt số hiệu đường thôn trên địa bàn xã A Dơi thuộc dự án: Lập phương án, sơ đồ đặt tên đường và đánh số nhà trên địa bàn xã A Dơi, tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ A DƠI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 10 Luật liên quan đến an ninh, trật tự số 118/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 241/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 56/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hệ thống đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-UBND ngày 28/10/2026 của Sở xây dựng tỉnh Quảng Trị về việc đặt số hiệu đường xã trên địa bàn xã A Dơi;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 416/TTr-PKT ngày 29/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đặt tên số hiệu 39 tuyến đường thôn trên địa bàn xã A Dơi như Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Phòng kinh tế xã A Dơi chịu trách nhiệm cập nhật dữ liệu đường thôn tại Điều 1 Quyết định này vào cơ sở dữ liệu quản lý đường bộ trên địa bàn xã và tổ chức Quản lý, vận hành, khai thác, bảo vệ, bảo trì hệ thống đường thôn và làm cơ sở định danh đánh số nhà theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng các phòng: Kinh tế, Văn hóa - Xã hội và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Trọng Kim

PHỤ LỤC

Danh mục số hiệu đường thôn thuộc địa bàn xã A Dơi, tỉnh Quảng Trị

(Kèm theo Quyết định số 1315 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2026 của UBND xã A Dơi)

TT	Diễn giải khu dân cư đi qua	Số hiệu đường thôn	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Ghi Chú
1	Khu dân cư thôn Ba Tầng	Đth.3301	Đường ĐT.586	Biên giới Việt-Lào	2.44	
2	Khu dân cư thôn Ba Tầng	Đth.3302	Đường ĐT.586	Đth.3301	1.22	
3	Khu dân cư thôn Ba Tầng	Đth.3303	Đường ĐT.586	Khu SX tập trung	0.42	
4	Khu dân cư thôn Ba Tầng	Đth.3304	Đường ĐT.586	Khu SX tập trung	0.94	
5	Khu dân cư thôn Ba Tầng	Đth.3305	Đường ĐT.586	Khu SX tập trung	0.27	
6	Khu dân cư thôn Ba Tầng	Đth.3306	D. cư thôn Ba tầng	D. cư thôn Ba tầng	0.39	
7	Khu dân cư thôn Măng Sông	Đth.3307	ĐX.925	Đth.3308	0.32	
8	Khu dân cư thôn Măng Sông	Đth.3308	ĐX.925	Khu SX tập trung	1.41	
9	Khu dân cư thôn Măng Sông	Đth.3309	ĐX.925	Khu SX tập trung	0.33	
10	Khu dân cư thôn Măng Sông	Đth.3310	ĐX.925	Khu SX tập trung	0.67	
11	Khu dân cư thôn Măng Sông	Đth.3311	ĐX.925	Khu SX tập trung	0.64	
12	Khu dân cư thôn Măng Sông	Đth.3312	ĐX.925	Khu SX tập trung	0.59	
13	Khu dân cư thôn Trùm	Đth.3313	Đường ĐT.586	Khu SX tập trung	0.81	
14	Khu dân cư thôn Trùm	Đth.3314	ĐX.927	Đth.3313	0.53	
15	Khu dân cư thôn Trùm	Đth.3315	ĐX.927	Đth.3316	2.2	
16	Khu dân cư thôn Trùm	Đth.3316	Đth.3315	Đường ĐT.586	2.2	
17	Khu dân cư thôn Trùm	Đth.3317	ĐX.925	Khu SX tập trung	1.63	

18.	Khu dân cư thôn Trùm	Đth.3318	Đường ĐT.586	D. cư thôn Trùm	0.5	
19	Khu dân cư thôn Trùm	Đth.3319	Đường ĐT.586	ĐX.932	2.6	
20	Khu dân cư thôn A Dơi Cô	Đth.3320	Đường ĐT.586	Khu SX tập trung	0.47	
21	Khu dân cư thôn A Dơi Cô	Đth.3321	Đường ĐT.586	Khu SX tập trung	0.44	
22	Khu dân cư thôn A Dơi Cô	Đth.3322	Đường ĐT.586	ĐX.934	0.34	
23	Khu dân cư thôn A Dơi Cô	Đth.3323	ĐX.934	D. cư thôn A Dơi Cô	0.24	
24	Khu dân cư thôn A Dơi Cô	Đth.3324	ĐX.934	Khu SX tập trung	1.27	
25	Khu dân cư thôn A Dơi Cô	Đth.3325	ĐX.934	Khu SX tập trung	0.45	
26	Khu dân cư thôn A Dơi Cô	Đth.3326	ĐX.934	Khu SX tập trung	1.94	
27	Khu dân cư thôn A Dơi Đớ	Đth.3327	Đường ĐT.586	Đth.3320	0.48	
28	Khu dân cư thôn A Dơi Đớ	Đth.3328	ĐX.935	Khu SX tập trung	1.21	
29	Khu dân cư thôn A Dơi Đớ	Đth.3329	ĐX.935	Đth.3330	1.04	
30	Khu dân cư thôn A Dơi Đớ	Đth.3330	ĐX.935	Khu SX tập trung	0.89	
31	Khu dân cư thôn A Dơi Đớ	Đth.3331	ĐX.935	Đth.3332	1.23	
32	Khu dân cư thôn A Dơi Đớ	Đth.3332	ĐX.932	ĐX.934	3.22	
33	Khu dân cư thôn Xy	Đth.3333	D. cư thôn Xy	D. cư thôn Xy	1.12	
34	Khu dân cư thôn Xy	Đth.3334	ĐX.937	ĐX.937	3.22	
35	Khu dân cư thôn Xy	Đth.3335	ĐX.937	Sông Sê Pôn	0.78	
36	Khu dân cư thôn Xy	Đth.3336	Đth.3337	Sông Sê Pôn	0.54	
37	Khu dân cư thôn Xy	Đth.3337	ĐX.937	Sông Sê Pôn	0.81	
38	Khu dân cư thôn Xy	Đth.3338	Đth.3337	Sông Sê Pôn	0.94	
39	Khu dân cư thôn Xy	Đth.3339	ĐX.937	Sông Sê Pôn	0.51	